

Số: 3731/TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

**1. Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**

Địa chỉ liên lạc: Số 54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 024. 39435531

Fax: 024. 39433844

Email:

[nhansutapdoan@vinacontrol.com.vn](mailto:nhansutapdoan@vinacontrol.com.vn)/[vinacontrol@vinacontrol.com.vn](mailto:vinacontrol@vinacontrol.com.vn)

Đã đăng ký hoạt động giám định đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực:  
**Giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa** tại các Chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng: Lô A6 – A8 đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quy Nhơn: Số 05 đường Tăng Bạt Hổ, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Dung Quất: Ngã 3 khách sạn Đức Long, thôn Đông Bình, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

(chi tiết theo Phụ lục kèm theo giấy chứng nhận này).

**2. Số đăng ký: 05/GĐ - TĐC.**

*ly*

3. Giấy chứng nhận được cấp lần bốn (04) và có hiệu lực đến ngày 06/12/2027./.

**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Phó TCT Phụ trách Hà Minh Hiệp (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Hoàng Linh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**  
**VÀ TIÊU CHUẨN TƯƠNG ỨNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH**  
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 3731 /TĐC - HCHQ ngày 22/12/2022  
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

**1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng**

Địa chỉ: Lô A6 – A8 đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3638122

Fax: 0236.3625625

E-mail: [vncdanang@vinacontrol.com.vn](mailto:vncdanang@vinacontrol.com.vn); [vinacontroldn@gmail.com](mailto:vinacontroldn@gmail.com)

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa        | Tiêu chuẩn/Phương pháp giám định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Khí dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ | KT-PPGD07-CT<br>Giám định/Kiểm định tình trạng<br>KT-PPGD08-CT<br>Giám định/Kiểm định quy cách, phẩm chất - chất lượng<br>KT-PPGD09-CT<br>Giám định hàng tồn thất<br>10.1KT-PPGD62-CT<br>Phương pháp giám định nhựa đường lỏng chở trên tàu biển<br>10.1KT-PPGD63-CT<br>Phương pháp giám định khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)<br>10.1KT-PPGD64-CT<br>Phương pháp giám định LAG (Liquified Ammonia Gas) & VCM (Vinyl Chloride Monomer) hóa lỏng<br>10.1KT-PPGD85-CT<br>Giám định chất lượng lô hàng sản phẩm dầu mỏ và nhiên liệu sinh học |
| 2   | Phân bón                      | KT-PPGD07-CT<br>Giám định/Kiểm định tình trạng<br>KT-PPGD08-CT<br>Giám định/Kiểm định quy cách, phẩm chất - chất lượng<br>KT-PPGD09-CT<br>Giám định hàng tồn thất<br>10.1KT-PPGD56-CT<br>Phương pháp giám định phân bón<br>KT-PPGD57-CT<br>Phương pháp kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu                                                                                                                                                                                                                           |

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa             | Tiêu chuẩn/Phương pháp giám định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3   | Máy, thiết bị, dây chuyền thiết bị | KT-PPGD07-CT<br>Giám định/Kiểm định tình trạng<br>KT-PPGD08-CT<br>Giám định/Kiểm định quy cách, phẩm chất - chất lượng<br>KT-PPGD09-CT<br>Giám định hàng tồn thất<br>10.1KT- PPGD24-CT<br>Giám định dây chuyền máy móc thiết bị<br>10.1KT-PPGD25-CT<br>Giám định sự đồng bộ của máy móc thiết bị<br>10.1KT-PPGD26-CT<br>Giám định sự chuyên dùng của máy móc thiết bị<br>10.1KT- PPGD27-CT<br>Giám định phạm vi sử dụng của máy móc thiết bị<br>KT-PPGD28-CT<br>Giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng<br>10.1KT- PPGD29-CT<br>Giám định nghiệm thu máy móc thiết bị<br>10.1KT-PPGD49-CT<br>Giám định hàng điện tử rời<br>10.1KT-PPGD100-CT<br>Giám định trang thiết bị y tế<br>10.1KT-PPGD101-CT<br>Giám định chất lượng máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng<br>KT-PPGD106-CT<br>Phương pháp giám định máy móc, thiết bị dùng trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn |
| 4   | Cát, than, quặng các loại          | KT-PPGD07-CT<br>Giám định/Kiểm định tình trạng<br>KT-PPGD08-CT<br>Giám định/Kiểm định quy cách, phẩm chất - chất lượng<br>KT-PPGD09-CT<br>Giám định hàng tồn thất<br>10.1KT-PPGD51-CT<br>Giám định Ilmennite<br>10.1KT- PPGD52-CT<br>Giám định cát trắng<br>10.1KT-PPGD53-CT<br>Giám định than đá<br>10.1KT-PPGD102-CT<br>Giám định phẩm chất lô hàng quặng sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| STT | Tên sản phẩm,<br>hàng hóa                                                | Tiêu chuẩn/Phương pháp giám định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5   | Nông sản: dăm<br>gỗ, bông xơ, sản<br>lát và tinh bột sắn,<br>viên nén gỗ | KT-PPGD07-CT<br>Giám định/Kiểm định tình trạng<br>KT-PPGD08-CT<br>Giám định/Kiểm định quy cách, phẩm chất - chất lượng<br>KT-PPGD09-CT<br>Giám định hàng tồn thất<br>KT-PPGD11-CT<br>Phương pháp giám định phẩm chất Gạo, thóc<br>10.1KT-PPGD12-CT<br>Phương pháp giám định phẩm chất ngô vàng<br>10.1KT-PPGD13-CT<br>Phương pháp giám định phẩm chất sắn lát khô<br>10.1KT-PPGD14-CT<br>Phương pháp giám định phẩm chất lạc nhân<br>10.1KT-PPGD15-CT<br>Phương pháp giám định phẩm chất vừng hạt<br>10.1KT-PPGD16-CT<br>Phương pháp giám định phẩm chất hạt tiêu<br>KT-PPGD17-CT<br>Phương pháp giám định phẩm chất hạt điều thô<br>10.1KT-PPGD17.1-CT<br>Phương pháp giám định phẩm chất hạt điều nhân<br>10.1KT-PPGD18-CT<br>Giám định phẩm chất chè<br>10.1KT-PPGD19-CT<br>Phương pháp giám định phẩm chất cà phê nhân<br>10.1KT-PPGD40-CT<br>Phương pháp giám định xơ bông<br>10.1KT-PPGD41-CT<br>Phương pháp giám định đay tơ xuất khẩu<br>10.1KT-PPGD46-CT<br>Phương pháp giám định gỗ cây<br>10.1KT-PPGD47-CT<br>Phương pháp giám định dăm gỗ |



kg

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                              | Tiêu chuẩn/Phương pháp giám định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                     | 10.1KT- PPGĐ87- CT<br>Phương pháp giám định phẩm chất hoa đại hồi<br>KT- PPGĐ88- CT<br>Phương pháp giám định tinh bột sắn<br>10.1KT- PPGĐ94- CT<br>Phương pháp giám định Com dừa sấy khô xuất khẩu<br>10.1KT- PPGĐ105- CT<br>Phương pháp giám định viên nén gỗ                                                                                                                                                                                                                                     |
| 6   | Vật liệu xây dựng: thạch cao, clinker, xi cát, xi măng, trảng thạch | KT-PPGĐ07-CT<br>Giám định/Kiểm định tình trạng<br>KT-PPGĐ08-CT<br>Giám định/Kiểm định quy cách, phẩm chất - chất lượng<br>KT-PPGĐ09-CT<br>Giám định hàng tồn thất<br>10.1KT-PPGĐ51-CT<br>Giám định Ilmennite<br>10.1KT- PPGĐ52-CT<br>Giám định cát trắng<br>10.1KT-PPGĐ54-CT<br>Giám định Clinker Cement Pooc lăng<br>10.1KT-PPGĐ55-CT<br>Giám định xi măng đóng bao                                                                                                                               |
| 7   | Phế liệu: sắt, thép, giấy, nhựa                                     | KT- PPGĐ82- CT<br>Phương pháp giám định chất lượng Phế liệu nhập khẩu phù hợp với quy định về bảo vệ môi trường<br>KT- PPGĐ82.1- CT<br>Phương pháp giám định chất lượng Phế liệu Sắt, Thép nhập khẩu phù hợp với quy định về bảo vệ môi trường<br>KT- PPGĐ82.2- CT<br>Phương pháp giám định chất lượng Phế liệu Nhựa nhập khẩu phù hợp với quy định về bảo vệ môi trường<br>KT- PPGĐ82.3- CT<br>Phương pháp giám định chất lượng Phế liệu Giấy nhập khẩu phù hợp với quy định về bảo vệ môi trường |

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                                            | Tiêu chuẩn/Phương pháp giám định                                                                                                                                                                                             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8   | Thức ăn chăn nuôi: nguyên liệu, thức ăn cho gia súc, gia cầm và các vật nuôi khác | KT-PPGD07-CT<br>Giám định/Kiểm định tình trạng<br>KT-PPGD08-CT<br>Giám định/Kiểm định quy cách, phẩm chất - chất lượng<br>KT-PPGD09-CT<br>Giám định hàng tồn thất<br>KT-PPGD86-CT<br>Phương pháp giám định thức ăn chăn nuôi |

## 2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quy Nhơn

Địa chỉ liên lạc: Ngã 3 khách sạn Đức Long, thôn Đông Bình, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 0255.3630665

Fax: 0255.6275777

E-mail: [vncdungquat@vinacontrol.com.vn](mailto:vncdungquat@vinacontrol.com.vn)

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                                              | Tiêu chuẩn/Phương pháp giám định                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Vật liệu xây dựng: thạch cao, clinker, xỉ cát, xi măng, trảng thạch | KT-PPGD07-CT<br>Giám định/Kiểm định tình trạng<br>KT-PPGD08-CT<br>Giám định/Kiểm định quy cách, phẩm chất - chất lượng<br>KT-PPGD09-CT<br>Giám định hàng tồn thất<br>10.1KT-PPGD54-CT<br>Giám định Clinker Cement Pooc lăng<br>10.1KT-PPGD55-CT<br>Giám định xi măng đóng bao |
| 2   | Máy, thiết bị, dây chuyền thiết bị                                  | KT-PPGD07-CT<br>Giám định/Kiểm định tình trạng<br>KT-PPGD08-CT<br>Giám định/Kiểm định quy cách, phẩm chất - chất lượng<br>KT-PPGD09-CT<br>Giám định hàng tồn thất<br>10.1KT-PPGD24-CT<br>Giám định dây chuyền máy móc thiết bị                                                |



ky

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa | Tiêu chuẩn/Phương pháp giám định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                        | 10.1KT- PPGĐ25- CT<br>Giám định sự đồng bộ của máy móc thiết bị<br>10.1KT- PPGĐ26- CT<br>Giám định sự chuyên dùng của máy móc thiết bị<br>10.1KT- PPGĐ27- CT<br>Giám định phạm vi sử dụng của máy móc thiết bị<br>KT-PPGĐ28-CT<br>Giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng<br>10.1KT- PPGĐ29- CT<br>Giám định nghiệm thu máy móc thiết bị<br>10.1KT-PPGĐ49-CT<br>Giám định hàng điện tử rời<br>10.1KT-PPGĐ100-CT<br>Giám định trang thiết bị y tế<br>10.1KT-PPGĐ101-CT<br>Giám định chất lượng máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng<br>KT-PPGĐ106-CT<br>Phương pháp giám định máy móc, thiết bị dùng trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn |

### 3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Dung Quất

Địa chỉ liên lạc: Ngã 3 khách sạn Đức Long, thôn Đông Bình, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 0255.3630665 Fax: 0255.6275777

E-mail: [vncdungquat@vinacontrol.com.vn](mailto:vncdungquat@vinacontrol.com.vn)

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa                       | Tiêu chuẩn/Phương pháp giám định                                                                                                                                  |
|-----|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Quặng, khoáng sản: Cát, than, quặng các loại | KT-PPGĐ07-CT<br>Giám định/Kiểm định tình trạng<br>KT-PPGĐ08-CT<br>Giám định/Kiểm định quy cách, phẩm chất - chất lượng<br>KT-PPGĐ09-CT<br>Giám định hàng tồn thất |

Ky

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa             | Tiêu chuẩn/Phương pháp giám định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                    | 10.1KT-PPGD53-CT<br>Giám định than đá<br>10.1KT-PPGD52-CT<br>Giám định cát trắng<br>10.1KT-PPGD102-CT<br>Giám định phẩm chất lô hàng quặng sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 2   | Máy, thiết bị, dây chuyền thiết bị | KT-PPGD07-CT<br>Giám định/Kiểm định tình trạng<br>KT-PPGD08-CT<br>Giám định/Kiểm định quy cách, phẩm chất - chất lượng<br>KT-PPGD09-CT<br>Giám định hàng tồn thất<br>10.1KT-PPGD24-CT<br>Giám định dây chuyền máy móc thiết bị<br>10.1KT-PPGD25-CT<br>Giám định sự đồng bộ của máy móc thiết bị<br>10.1KT-PPGD26-CT<br>Giám định sự chuyên dùng của máy móc thiết bị<br>10.1KT-PPGD27-CT<br>Giám định phạm vi sử dụng của máy móc thiết bị<br>KT-PPGD28-CT<br>Giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng<br>10.1KT-PPGD29-CT<br>Giám định nghiệm thu máy móc thiết bị<br>10.1KT-PPGD49-CT<br>Giám định hàng điện tử rời<br>10.1KT-PPGD100-CT<br>Giám định trang thiết bị y tế<br>10.1KT-PPGD101-CT<br>Giám định chất lượng máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng |



Ký

| STT | Tên sản phẩm, hàng hóa | Tiêu chuẩn/Phương pháp giám định                                                                              |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                        | KT-PPGD106-CT<br>Phương pháp giám định máy móc, thiết bị dùng trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn |

**Ghi chú:**

- xxKT-PPGDyy-CT; KT- PPGDzz- CT: Phương pháp, quy định giám định nội bộ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan và các văn bản quy phạm pháp luật để quản lý, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol và các chi nhánh phải được chỉ định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tương ứng trước khi thực hiện giám định.

\_\_\_\_\_

*ky*

